

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **31/2021/DS-ST**
Ngày: 12-5-2021
V/v “*Tranh chấp Hợp đồng
vay tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA- TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm P – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trương Thị Thìn.
2. Bà Thiều Thị Phi Loan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Hồng Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đông – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 635/2020/TLST-DS ngày 15 tháng 10 năm 2020, về việc “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2021/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 368/2021/QĐST- DS ngày 19/4/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Lê Đức T**, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Ấp P, Xã Đ, huyện B, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn P**, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Tổ 18, khu phố C, phường T, thành phố H, tỉnh Đồng Nai.

(Ông T có đơn xin vắng mặt, ông P vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện; bản tự khai; biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải ông Lê Đức T trình bày:

Do mối quan hệ quen biết, ông Lê Đức T có cho ông Nguyễn Văn P vay số tiền 470.000.000 đồng vào ngày 30/7/2018. Đến ngày 19/02/2019 ông P trả cho ông T được 190.000.000 đồng, cũng trong ngày 19/02/2019 ông P làm giấy cam

kết trả nợ với nội dung ông P còn nợ ông T số tiền số tiền 280.000.000 đồng và cam kết sẽ hoàn trả số tiền này trong ngày 30/3/2019. Ngày 17/02/2020 ông P trả tiếp cho ông T số tiền 145.000.000 đồng, còn lại 135.000.000 đồng. Từ ngày 17/02/2020 cho đến nay đã nhiều lần ông T liên hệ yêu cầu ông P trả cho ông T số tiền còn lại nhưng ông P không trả.

Do đó, ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn P có nghĩa vụ thanh toán nợ cho ông tổng số tiền là 156.262.500 đồng. Trong đó, nợ gốc là 135.000.000 đồng, nợ lãi tính từ ngày 17/02/2020 đến 17/4/2021 là 21.262.500 đồng ($14 \text{ tháng} \times 135.000.000 \text{ đồng} \times 1,125\%/\text{tháng} = 21.262.500 \text{ đồng}$)

Bị đơn ông Nguyễn Văn P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm Phán, Hội đồng xét xử, thư ký và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Nguyễn Văn P phải thanh toán cho ông Lê Đức T tổng số tiền là 156.262.500 đồng. Trong đó, nợ gốc là 135.000.000 đồng, nợ lãi tính từ ngày 17/02/2020 đến 17/4/2021 là 21.262.500 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng cho ông Nguyễn Văn P nhưng ông P không đến Tòa làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải, các phiên tòa xét xử nhưng ông P vẫn vắng mặt không có lý do; Nguyên đơn ông Lê Đức T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 207, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông T và ông P.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ông Lê Đức T khởi kiện ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1975, cư trú tại Tổ 18, khu phố 4C, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tranh chấp số tiền cho vay và tiền lãi. Căn cứ Điều 26, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015 xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

[3] Về tư cách đương sự: Căn cứ khoản 2 Điều 68 xác định ông Lê Đức T là nguyên đơn, ông Nguyễn Văn P là bị đơn.

[4] Về thời hiệu khởi kiện: Căn cứ vào giấy nhận tiền ngày 30/7/2018. Đến ngày 19/02/2019 ông P trả cho ông T được 190.000.000 đồng, cũng trong ngày 19/02/2019 ông P làm giấy cam kết trả nợ với nội dung ông P còn nợ ông T số tiền số tiền 280.000.000 đồng và cam kết sẽ hoàn trả số tiền này trong ngày 30/3/2019. Ngày 17/02/2020 ông P trả tiếp cho ông T số tiền 145.000.000 đồng, còn lại 135.000.000 đồng. Căn cứ Điều 429 Bộ luật Dân sự 2015 và Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định yêu cầu khởi kiện của ông T vẫn còn thời hiệu khởi kiện

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Lê Đức T, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau: Ông Lê Đức T căn cứ vào chứng cứ là: Giấy nhận tiền ngày 30/7/2018, giấy cam kết trả nợ ngày 19/2/2019 thể hiện nội dung ông Nguyễn Văn P có vay của ông T tổng số tiền gốc là 470.000.000 đồng, ông P đã trả được tổng số tiền 335.000.000 đồng, còn nợ lại 135.000.000 đồng. Căn cứ Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh. Do đó việc khởi kiện tranh chấp số tiền 135.000.000 đồng của ông T là có căn cứ chấp nhận.

Về lãi suất: Mặc dù trong giấy nhận tiền và giấy cam kết trả nợ không ghi lãi suất nhưng nguyên đơn yêu cầu lãi suất là 1.125%/tháng là không vượt quá quy định của pháp luật. Căn cứ 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông T về tổng số tiền lãi trên số nợ gốc 135.000.000 đồng là 21.262.500 đồng. Ông T không yêu cầu phải tính tiền lãi đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm (ngày 12/5/2021) mà chỉ yêu cầu tính tới ngày 17/4/2021 là có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 463, 465, 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Đức T buộc ông Nguyễn Văn P phải thanh toán cho ông Lê Đức T tổng số tiền là 156.262.500 đồng. Trong đó, nợ gốc là 135.000.000 đồng, nợ lãi tính đến ngày từ 17/2/2020 đến 17/4/2021 ngày là 21.262.500 đồng.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Ông Nguyễn Văn P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 3.907.000 đồng (Ba triệu chín trăm lẻ bảy ngàn đồng).

[7] Ý kiến của Đại diện Viện Kiểm sát và đương sự:

- Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

- Xét yêu cầu của ông T phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[8] Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 429, Điều 463, 465, 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 26, Điều 35 và Điều 39, Điều 147, Điều 184, Điều 207, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm Phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm có hiệu lực ngày 15/3/2019;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Đức T.

Buộc ông Nguyễn Văn P phải thanh toán cho ông Lê Đức T tổng số tiền là 156.262.500 đồng (Một trăm năm mươi sáu triệu hai trăm hai mươi sáu ngàn năm trăm đồng). Trong đó, nợ gốc là 135.000.000 đồng, nợ lãi tính đến ngày từ 17/2/2020 đến 17/4/2021 ngày là 21.262.500 đồng.

2. Về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án nếu người phải thi hành án chưa thanh toán hết các khoản tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi trên số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Ông Nguyễn Văn P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là: 3.907.000 đồng (Ba triệu chín trăm lẻ bảy ngàn đồng).

Hoàn trả cho ông Lê Đức T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.793.000 đồng (theo biên lai số 0009894 ngày 22.7.2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa).

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai (01);
- VKSND TP. Biên Hòa (02);
- Chi cục THADS TP. Biên Hòa (01);
- Các đương sự (4);
- Lưu HS-VP (03).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM P – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Quỳnh